

Số: 1314 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai” tại xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai” tại xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai tại biên bản họp chính thức hội đồng thẩm định ngày 09 tháng 12 năm 2021;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai” tại xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã được Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 393/KTTL-KHKT ngày 20 tháng 4 năm 2022;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-STNMT ngày 13 tháng 5 năm 2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai” tại xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện Tân Phú;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QĐĐT.M.CaitaosuachuahồĐaTôn-CtyKhaithaccongrinhtuylợiĐN



**Võ Văn Phi**



## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai" tại xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai"

(Kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### 1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.
- Vị trí dự án: Xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Địa chỉ liên hệ: số 126, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô dự án:
  - + Đập đất: Sửa chữa đập chính gồm nâng cấp mặt đập, sửa chữa nâng cấp mái thượng hạ lưu đập, xử lý chống thấm thân và nền đập. Sửa chữa nâng cấp đập phụ, xử lý mối công trình; xây dựng hệ thống quan trắc tự động;
  - + Trần xả lũ: Sửa chữa nâng cấp tường bên;
  - + Trần sự cố: Giữ ngưỡng tràn như hiện hữu và bố trí thêm cửa tràn dự phòng  $b \times h = (2 \times 2,4) \text{m}$ ;
  - + Cống lấy nước: Xử lý rò rỉ ở cửa van và thấm tại góc tràn trái sau cửa cống và các bộ phận liên quan đảm bảo công năng sử dụng (lòng cống luôn ống thép dày 9 mm và bơm chèn vữa bê tông M300 mới);
  - + Kết nối giao thông hiện trạng: kết nối trực đường chính Phú Xuân - Núi Tượng vào Đập chính và vào Nhà quản lý;
  - + Nạo vét lòng hồ: Diện tích nạo vét 11 ha, cao độ đáy nạo vét +122,6 m;
  - + Nhà quản lý: Xây dựng mới nhà quản lý đảm bảo an toàn cho nhà trong mùa mưa bão, kết hợp với việc trang bị các thiết bị, máy móc, thông tin liên lạc,... phục vụ công tác quản lý vận hành.
- Các hạng mục, công trình chính của dự án: (1) Hồ chứa, (2) Đập chính, (3) Đập phụ, (4) Trần xả lũ, (5) Trần sự cố, (6) Cống lấy nước, (7) Kết nối giao thông hiện trạng, (8) Nạo vét lòng hồ, (9) Nhà quản lý.

### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

#### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

##### a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng:

- Tác động do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công;

bụi và khí thải từ quá trình tháo dỡ vật liệu kiến trúc, phát quang, giải phóng mặt bằng; bụi và khí thải từ quá trình đào, đắp, thi công xây dựng dự án; bụi, khí thải từ hoạt động thi công nạo vét; hoạt động của các thiết bị thi công; hoạt động vận chuyển và đổ vật, chất nạo vét.

- Tác động do nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng (từ vệ sinh phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng), nước rỉ từ bùn nạo vét tại bãi chứa tạm và nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ vật liệu kiến trúc, phát quang, giải phóng mặt bằng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, bùn nạo vét.

- Tác động đến hệ thủy sinh; hoạt động nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp; hoạt động giao thông trên tuyến đường vận chuyển vật, chất nạo vét và tại vị trí tiếp nhận vật, chất nạo vét.

- Tác động gây gia tăng độ đục nước hồ, thay đổi cấu tạo nền đáy, rủi ro sạt lở đường bờ tại vị trí nạo vét.

- Tác động do sự cố môi trường, rủi ro, tai nạn lao động, đâm va sà lan trong thi công nạo vét.

b) Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và từ hoạt động quản lý vận hành dự án; khí thải từ giao thông, nấu ăn; mùi hôi, bùn từ bể tự hoại.

## 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt từ công nhân thi công trên công trường, khoảng  $10\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần ô nhiễm chính: pH,  $\text{BOD}_5$ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat và Tổng Coliforms.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh xe ra vào công trường khoảng  $01\text{m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước rỉ từ bãi chứa tạm trong phạm vi dự án có thành phần gồm chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục và các tạp chất khác.

- Nước làm mát  $0,2\text{ m}^3/\text{ngày}$ , nước dẫn sà lan  $0,4\text{ m}^3/\text{ngày}$ , nước vệ sinh boong, kết hầm dầu khoảng  $0,4\text{ m}^3/\text{ngày}$ , nước xả thải dầu cặn  $0,01\text{ m}^3/\text{ngày}$  phát sinh từ sà lan. Thành phần: chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công xây dựng với thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

b) Trong giai đoạn vận hành: Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng  $0,5\text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, TDS,  $\text{BOD}_5$ , sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat và tổng Coliforms.

## 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị thi công, xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét đến khu vực tiếp nhận vật, chất nạo vét; hơi dung môi từ quá trình sơn công trình; mùi phát sinh từ quá trình nạo vét và vận chuyển vật, chất nạo vét đến bãi chứa tạm trong phạm vi dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành: khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 40 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng khoảng 20.104,54 m<sup>3</sup>; khối lượng vật chất nạo vét khoảng 116.280 m<sup>3</sup>.

b) Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 02 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại (gồm dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt thải, thùng chứa sơn,...) với khối lượng khoảng 03 kg/tháng.

b) Trong giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại (bao gồm pin, bóng đèn huỳnh quang thải) phát sinh khoảng 12 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác: Tác động do tiếng ồn và độ rung từ quá trình thi công xây dựng, nguy cơ sụt lún, sạt lở đất, ngập úng khu vực từ quá trình triển khai thực hiện dự án; tai nạn giao thông, tai nạn lao động; tác động đến vị trí tiếp nhận vật, chất nạo vét.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:**

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng:

- Bố trí 02 nhà vệ sinh lưu động trên công trường và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- Nước thải xây dựng (từ vệ sinh phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng ra vào công trường) được dẫn vào hố lắng và tách dầu, nước sau thời gian lắng được tận dụng để trộn bê tông.

- Nước vệ sinh, nước rửa sàn do các chủ phương tiện thực hiện thu gom và xử lý, không được phép thải xuống hồ.

- Nước rỉ từ hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ bãi chứa tạm trong phạm vi dự án: hỗn hợp sản phẩm nạo vét được đưa bằng sà lan tới khu vực bãi chứa bùn tạm có diện tích 1 ha. Nước thải từ bãi chứa tạm vật, chất nạo vét được dẫn dòng theo rãnh thoát nước chảy về rãnh thoát nước chung, tại cửa thoát nước bố trí tấm lọc để hạn chế cặn, chất rắn từ bãi chứa tạm thoát ra ngoài gây ô nhiễm môi trường nước mặt (rãnh thoát nước có chiều dài 200 m, rộng đáy 0,3 m, sâu 0,5 m).

b) Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên được xử lý cục bộ qua bể tự hoại.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A;  $K_q = 0,9$ ,  $K_f$  theo lưu lượng nguồn thải; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A,  $K = 1,2$ . Không được để nước thải tự thấm xuống đất, không được xả nước thải chưa qua xử lý, không đạt quy chuẩn ra môi trường.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đều phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; dọn dẹp đất đá, vật liệu rơi vãi, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp; bố trí xe phun âm tuyến đường vận chuyển, xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi phạm vi dự án, thực hiện quét dọn vệ sinh đường khi có đất cát rơi vãi, đảm bảo không phát sinh bụi gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới các đối tượng sinh sống hai bên đường vận chuyển.

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; bố trí thời gian thi công phù hợp, tưới nước giảm bụi; che chắn khu vực thi công, trang bị bảo hộ lao động.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm, xây dựng lưới bao quanh công trình, tiến hành phun nước đường vận chuyển và các khu vực chế biến vật liệu xây dựng.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát tán gây ô nhiễm môi trường (trong đó đặc biệt cần kiểm soát bụi phát sinh từ quá trình tập kết nguyên vật liệu, quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét ra khỏi dự án đến vị trí tiếp nhận).

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: Toàn bộ chất thải rắn tại công trường sẽ được thu gom lưu chứa vào thùng chứa có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nhằm đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn; hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

#### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trong giai đoạn thi công, xây dựng và giai đoạn vận hành: chất thải nguy hại được phân thành từng loại riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường; bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

#### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có mức âm và độ rung thấp, bố trí thời gian thi công hợp lý.

- Phòng ngừa sự cố ngập úng, sụt lún trong quá trình thi công; thi công đúng kỹ thuật nhất là đối với các công trình ngầm, khu vực có nền đất yếu.

#### 3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng đê bao, mực nước trong bãi chứa tạm để có biện pháp gia cố đê bao phù hợp.

- Dừng thi công trong trường hợp vỡ đê bao; gia cố đê bao bảo đảm yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công; báo cáo các cơ quan có thẩm quyền liên quan chấp thuận trước khi thi công trở lại theo quy định.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:**

- Bố trí rãnh thoát để thu gom nước rỉ từ bãi chứa tạm, tại cửa thoát nước bố trí tấm lọc để hạn chế cặn, chất rắn từ bãi chứa bùn thoát ra ngoài gây ô nhiễm môi trường nước mặt (rãnh thoát nước có chiều dài 200 m, rộng đáy 0,3 m, sâu 0,5 m).

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

### **5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng**

#### a) Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí: Khu vực thi công dự án và khu vực nhà quản lý.
- Số lượng: 03 mẫu/vị trí
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu: Nhiệt độ, độ ẩm, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, TSP, tiếng ồn.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT, trung bình 1h – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

#### b) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Vị trí: Khu vực thi công dự án.
- Số lượng: 01 mẫu/vị trí
- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần.
- Chỉ tiêu: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn và chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy chuẩn áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### c) Giám sát môi trường nước mặt:

- Vị trí: Khu vực nạo vét và khu vực cuối hồ.
- Số lượng: 03 mẫu/vị trí
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu: pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Nitrat, Amoni, tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2).

#### d) Giám sát nước thải:

- Vị trí: Bãi chứa bùn.
- Số lượng: 01 mẫu/vị trí
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu: pH, Tổng phốt pho, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A).

#### e) Giám sát các vấn đề môi trường khác:

- Giám sát trong quá trình vận chuyển, xây dựng như sự sụt lún, sạt lở của công trình, sự cố cháy nổ.

- Tần suất thực hiện: Liên tục hàng ngày trong quá trình thi công xây dựng dự án.

## **5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành**

a) Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí: khu vực nhà quản lý.

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Chỉ tiêu: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn và chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy chuẩn áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giám sát thủy văn:

- Vị trí: Nhà tháp van.

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Chỉ tiêu: Quan trắc mưa, đo mực nước, đo lưu lượng qua cống lấy nước, qua tràn xả lũ và tràn sự cố, đo kiểm tra định kỳ chất lượng nước hồ chứa.

- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu Chuẩn Quốc Gia TCVN 8414:2010 “Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước”.

c) Giám sát khác: Giám sát sự cố thấm qua đập; sạt lở bờ hồ, lún trượt đập; sự sụt lún của công trình; cháy nổ.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường đối với Dự án:**

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; đồng thời rà soát các nội dung liên quan dự án căn cứ quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

- Lưu giữ, thu gom và xử lý các loại chất thải rắn, dầu mỡ thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thành phần và khối lượng vật, chất dự kiến nạo vét và lưu chứa; việc nạo vét thực hiện theo đúng phương án đã được cơ quan chức năng phê duyệt; nạo vét đúng địa điểm, diện tích, hướng tuyến, độ sâu, thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu về an toàn trong thiết kế được phê duyệt.

- Chỉ được đổ vật, chất nạo vét của Dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền có văn bản quy định về địa điểm bãi chứa vật, chất nạo vét theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của các hoạt động thu gom, vận chuyển, đổ thải vật, chất nạo vét tới môi trường và sinh kế của dân cư tại các vị trí tiếp nhận vật, chất nạo vét; thực hiện việc thi công đê bao tại các vị trí tiếp nhận theo đúng thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo không xảy ra sự cố môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường sau khi kết thúc nạo vét và lưu giữ vật, chất nạo vét tại các vị trí tiếp nhận; tuân thủ các quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, quy định pháp luật về khoáng sản, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cát, sỏi và bảo vệ lòng, bờ bãi sông.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, chất lượng nguồn nước, hệ thủy sinh của khu vực diễn ra các hoạt động của Dự án; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT trong quá trình thi công Dự án.

- Vận hành các công trình bảo vệ môi trường; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố (sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố đối với các máy móc, thiết bị của Dự án) và các tai nạn lao động phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát xói lở trong khu vực thi công Dự án, trường hợp phát hiện sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc nạo vét và báo cáo cơ quan có chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường.

- Thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét, đất dôi dư từ dự án, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông trên đường vận chuyển đến vị trí tiếp nhận; phối hợp với các đơn vị chức năng và chính quyền địa phương ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố; khắc phục, bồi thường thiệt hại đối với môi trường và đời sống của nhân dân trong khu vực (nếu có).

- Tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ hành lang nguồn nước; khai thác nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước; thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.